

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HS-ST

Ngày 17 - 01 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đăng Thiện

Ông Nguyễn Văn Sâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 85/2023/TLST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2024;

Đối với bị cáo: **Lê Văn K**, sinh ngày 28/6/2001 tại: Xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn C, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn C và bà Vũ Thị Đ; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ ngày 01/9/2023, chuyển tạm giam từ ngày 07/9/2023 cho đến nay; Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trịnh Ngọc A, sinh năm 2005, địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

2. Lữ Thị T, sinh năm 2007, nơi ĐKKHKT: Bản Pa, xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Chỗ ở hiện nay: Thôn G, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

Người giám hộ: Bà Lê Thị N – Bí thư Đoàn xã X.

- *Người làm chứng:*

1. Hà Công N1, sinh năm 1998, địa chỉ: Tổ dân phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

2. Bùi Thị H, sinh năm 2004, địa chỉ: Xóm K, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình; Có mặt.

3. Hà Văn S, sinh năm 1966, địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện B, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

4. Lê Ngọc C1, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

5. Hà Thị T1, sinh năm 2006, địa chỉ: Bản C, xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

6. Hà Thị S1, sinh năm 2007, nơi ĐKKHKT: Bản Cum, xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Chỗ ở hiện nay: Thôn G, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

Người giám hộ: Bà Lê Thị N – Bí thư Đoàn xã X.

7. Lê Thị Kiều T2, sinh năm 2006, nơi ĐKKHKT: Khu C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Chỗ ở hiện nay: Thôn G, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

Người giám hộ: Bà Lê Thị N – Bí thư Đoàn xã X.

8. Trịnh Duy P, sinh năm 2001, địa chỉ: Khu phố A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 01/9/2023, tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện T và Công an xã X phát hiện bắt quả tang Trịnh Duy P (sinh năm 1996, thường trú tại khu phố A, thị trấn S, huyện T) sử dụng trái phép chất ma túy tại khu vực cầu L ở thôn F, xã X. Tổ công tác đã thu giữ 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa các mảnh chất nén màu hồng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu M; 01 vỏ kẹo màu xanh, in chữ Smartlife bên trong chứa một túi nilon màu trắng chứa chất tinh thể màu trắng (được niêm phong trong phong bì ký hiệu M1) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 màu đen, lắp số thuê bao 0982.883.146. P khai nhận số ma túy được niêm phong trong phong bì ký hiệu M mua của Lê Văn K, phong bì ký hiệu M1 mua của Nguyễn Trọng T3 vào ngày 31/8/2023, mục đích sử dụng.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Văn K tại nhà trọ ở thôn G, xã X, huyện T, Cơ quan điều tra thu giữ 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa các cục vụn màu hồng (được niêm phong trong phong bì ký hiệu M2); Lê Văn K tự giác giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, đây là điện thoại K mượn của Lữ Thị T để liên

hệ mua bán ma túy vào ngày 31/8/2023. Cùng ngày, Lê Văn K ra đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội, cụ thể, như sau:

Lê Văn K, Trịnh Ngọc A (trú tại xã X, huyện T), Lê Thị Kiều T2 (trú tại huyện T), Hà Thị T1, Hà Thị S1, Lữ Thị T (cùng trú tại huyện Q) thuê nhà trọ tại thôn G, xã X, huyện T. Trịnh Duy P biết K có bán ma túy và hiện đang ở cùng Ngọc A, nên khoảng 17 giờ ngày 31/8/2023 P sử dụng số điện thoại 0982.883.146 gọi đến số 0364.055.927 của Ngọc A để gặp K, thì Ngọc A đưa máy cho K nghe, K đi ra ngoài cổng nhà trọ để nói chuyện. P hỏi mua của K nửa chỉ ketamine và 02 viên thuốc lắc, K nói P để K hỏi rồi trả lời sau. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, P không thấy K trả lời nên đi đến nhà trọ ở thôn G, xã X gặp K. Tại đây, P bảo K bán cho P nửa chỉ ketamine và 02 viên thuốc lắc nhưng K nói hiện tại không có nên P ra về. Đến 19 giờ 30 phút, K mượn điện thoại của Lữ Thị T để lắp sim và sử dụng Facebook, do chuẩn bị đi làm, nên T đồng ý cho K mượn điện thoại. Khoảng 30 phút sau P tiếp tục đến nhà trọ gặp K hỏi mua 700.000đ hồng phiến để sử dụng, K đồng ý và bảo P phải trả thêm 300.000đ tiền taxi, sau đó P chuyển tiền từ số tài khoản 102871052123 ngân hàng V của Trịnh Duy P vào tài khoản số 109878756517 ngân hàng V của Lê Văn K số tiền 1.000.000đ để mua ma túy. Sau khi nhận được tiền, K sử dụng số điện thoại 0377.973.119 gọi vào số 0367.387.191 của Hà Công N1 (sinh năm 1998 trú tại tổ dân phố D, thị trấn T, huyện T) hỏi mua 700.000đ tiền hồng phiến, N1 đồng ý và hướng dẫn K chuyển tiền vào số tài khoản 000008124986 ngân hàng S2 tên Bùi Thị H thì K chuyển tiền vào tài khoản trên. Sau đó K thuê xe taxi của anh Lê Ngọc C1 (sinh năm 1992 trú tại thôn H, xã T, huyện T) để chở K xuống thị trấn T, huyện T lấy ma túy. Theo sự chỉ dẫn của N1, thì K chỉ đường cho anh C1 chở đến ngõ cạnh cửa hàng S3 ở khu phố G, thị trấn T, đến đầu ngõ thì dừng xe lại, sau đó K xuống xe đi bộ vào vị trí cây cột điện cách đầu ngõ khoảng 50 mét để lấy ma túy, K tìm thấy và lấy được một túi Zip, gói bên ngoài bằng lớp giấy ôli. K cầm túi hồng phiến trên đi về nhà trọ ở thôn G, xã X, huyện T được 07 viên, K lấy ra 02 viên để sử dụng, 05 viên còn lại K gói vào túi nilon và gọi điện thoại cho Trịnh Duy P đến nhà trọ và bán cho P, sau khi mua được ma túy P đã ra khu vực cầu L ở thôn F, xã X để sử dụng.

Ngày 02/9/2023, Cơ quan điều tra đã Quyết định trưng cầu số 261, 263/QĐ-ĐCSMT, trưng cầu Phòng K2 Công an tỉnh T giám định chất ma túy thu giữ của Lê Văn K. Tại bản kết luận giám định số: 3158/KL-KTHS ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Phòng K2 Công an tỉnh T kết luận: Chất bột màu hồng dạng cục vụn của phong bì niêm phong ký hiệu M2 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,016g loại: Methamphetamine. Tại Kết luận giám định số 3156/KL-KTHS ngày 06/9/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh T kết luận đối với chất ma túy thu giữ của Trịnh Duy P: Các mảnh nén màu hồng của phong bì niêm phong ký hiệu M gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,018g loại Methamphetamine.

Về nguồn gốc ma túy: Quá trình điều tra Lê Văn K khai báo mua của Hà Công N1 vào ngày 31/8/2023. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, nhưng không đủ căn cứ chứng minh N1 bán ma túy cho K vào ngày 31/8/2023.

Đối với một túi nilon màu trắng chứa chất tinh thể màu trắng của phong bì niêm phong ký hiệu M1, Trịnh Duy P mua của Nguyễn Trọng T3 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen, lắp sim số thuê bao 0982.883.146 P sử dụng liên hệ mua ma túy của T3, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã ra Quyết định khởi tố vụ án và xử lý đối với Nguyễn Trọng T3 trong một vụ án khác.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Trịnh Duy P và Lê Văn K, Công an huyện T đã ra Quyết định xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

Đối với Lữ Thị T và Trịnh Ngọc A cho Lê Văn K mượn điện thoại; Lê Ngọc C1 chở K đến huyện T, nhưng không biết việc mua bán ma túy của K, nên không có căn cứ xử lý.

Đối với tài khoản S2 số 000008124986 mang tên Bùi Thị H, sinh năm 2004 trú tại xóm K, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình và chủ số thuê bao 0367.387.191 đứng tên ông Hà Văn S (sinh năm 1966 trú tại thôn K, xã V, huyện B, tỉnh Thanh Hóa). Chị H và ông S khai chưa từng sử dụng số tài khoản và thuê bao trên. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh, nhưng không có căn cứ để xử lý.

Vật chứng vụ án và đồ vật, tài sản thu giữ gồm: Toàn bộ bao gói mở niêm phong và số ma túy là mẫu vật còn lại sau giám định của phong bì ký hiệu M và M2, được đựng trong 01 phong bì niêm phong do Phòng K2 Công an tỉnh T phát hành và 01 phong bì niêm phong do Công an huyện T phát hành; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max màu đen, bên trong gắn sim số 0364.055.927; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng-đen, bên trong không gắn sim và 01 sim V1 có dãy số trên thân sim: 8984048000911475625. Hiện đang được quản lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 02/CT-VKSTX ngày 05/12/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân đã truy tố bị cáo Lê Văn K về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Văn K thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử,

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn K phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn K từ 26 đến 29 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự,

- Tịch thu, tiêu hủy đối với: Toàn bộ bao gói mở niêm phong, số ma túy còn lại sau giám định của phong bì ký hiệu M và M2; 01 sim Viettel có dãy số trên thân sim: 8984048000911475625 (thu của Lê Văn K).

- Trả lại cho anh Trịnh Ngọc A 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max màu đen; Trả lại cho chị Lữ Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng-đen.

Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận; Lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Văn K tại phiên tòa hôm nay, là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, kết luận giám định, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Ngày 31/8/2023 Lê Văn K đã có hành vi mua 07 viên hồng phiến với giá 700.000đ tại khu vực phố G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, sau đó đem bán lại cho Trịnh Duy P 05 viên hồng phiến giá 1.000.000đ tại thôn G, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. P đã sử dụng hết một phần, còn lại 0,018g Methamphetamine chưa kịp sử dụng thì bị phát hiện thu giữ. Đối với 02 viên hồng phiến còn lại, Lê văn K1 đã sử dụng hết một phần, còn lại 0,016g Methamphetamine cất giấu với mục đích sử dụng và bán kiếm lời thì bị Cơ quan Công an phát hiện, thu giữ.

Bị cáo Lê Văn K có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Do đó, hành vi của bị cáo Lê Văn K đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án là nghiêm trọng; Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý của nhà nước về các chất ma túy, là nguyên nhân làm gia tăng những tệ nạn xã hội và tội phạm hình sự; gây tác hại cho sức khỏe và gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự trị an tại địa phương. Bản thân bị cáo cũng đủ nhận thức và biết ma túy là chất gây nghiện có tác hại rất lớn cho người sử dụng và đối với xã hội; bị cáo cũng nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng đã bất chấp pháp luật và cố tình vi phạm. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt nghiêm minh đối với bị cáo, bắt cách ly khỏi xã hội một

thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo, cũng như đáp ứng được yêu cầu đấu tranh và phòng ngừa tội phạm.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Văn K lần đầu phạm tội; chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Đã ra đầu thú và khai nhận về hành vi phạm tội, giúp cho Cơ quan điều tra nhanh chóng xử lý vụ án, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, cần xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo, sớm hòa nhập với xã hội.

[5] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy: Cần thiết phải xử phạt bị cáo Lê Văn K bằng hình phạt tù, với mức án như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp. Thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam được tính vào thời gian chấp hành hình phạt cho bị cáo. Tiếp tục tạm giam đối với bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Lê Văn K không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định; không có tài sản riêng; hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về áp dụng biện pháp tư pháp: Đối với số tiền 1.000.000đ bị cáo Lê Văn K thu lợi bất chính do việc bán trái phép chất ma túy mà có, cần truy thu để sung vào ngân sách nhà nước.

[8] Về vật chứng vụ án:

- Toàn bộ bao gói mở niêm phong và số ma túy là mẫu vật còn lại sau giám định của phong bì ký hiệu M và M2, hiện được đựng trong 01 phong bì niêm phong do Phòng K2 Công an tỉnh T phát hành và 01 phong bì niêm phong do Công an huyện T phát hành, là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với vật chứng là 01 sim V1 có dãy số trên thân sim: 8984048000911475625, đây là sim điện thoại bị cáo K sử dụng phạm tội, hiện không còn sử dụng được, nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với vật chứng là: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng-đen. Quá trình điều tra xác định: chiếc điện thoại Iphone 12 Pro Max màu đen là tài sản hợp pháp của anh Trịnh Ngọc A; chiếc điện thoại Iphone X màu trắng-đen, là tài sản hợp pháp của chị Lữ Thị T. Anh Ngọc A và chị T cho bị cáo K mượn điện thoại sử dụng liên lạc, nhưng không biết việc bị cáo K sử dụng phạm tội, vì vậy cần trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp.

Vật chứng trên hiện đang được quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

[9] Về các tình tiết liên quan đến vụ án:

Về nguồn gốc ma túy: Quá trình điều tra Lê Văn K khai báo mua của Hà Công N1 vào ngày 31/8/2023. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, nhưng không

đủ căn cứ chứng minh N1 bán ma túy cho K vào ngày 31/8/2023, nên không có căn cứ xử lý.

Đối với một túi nilon màu trắng chứa chất tinh thể màu trắng của phong bì niêm phong kí hiệu M1, Trịnh Duy P mua của Nguyễn Trọng T3 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen, lắp sim số thuê bao 0982.883.146 P sử dụng liên hệ mua ma túy của T3, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã ra Quyết định khởi tố vụ án và xử lý đối với Nguyễn Trọng T3 trong một vụ án khác.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Trịnh Duy P và Lê Văn K, Công an huyện T đã ra Quyết định xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

Đối với Lữ Thị T và Trịnh Ngọc A cho Lê Văn K mượn điện thoại; Lê Ngọc C1 chở K đến huyện T, nhưng không biết việc mua bán ma túy của K, nên không có căn cứ xử lý.

Đối với tài khoản S2 số 000008124986 mang tên Bùi Thị H, sinh năm 2004 trú tại xóm K, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình và chủ số thuê bao 0367.387.191 đứng tên ông Hà Văn S (sinh năm 1966 trú tại thôn K, xã V, huyện B, tỉnh Thanh Hóa). Chị H và ông S khai chưa từng sử dụng số tài khoản và thuê bao trên. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh, nhưng không có căn cứ để xử lý.

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào **điểm a, b, c khoản 1**, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; **điểm a khoản 2, điểm b khoản 3** Điều 106; khoản 2 Điều 136; **khoản 1 Điều 293**; **khoản 1** Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn K phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”,

Xử phạt bị cáo Lê Văn K 26 (hai mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/9/2023.

2. Về biện pháp tư pháp: Truy thu của bị cáo Lê Văn K số tiền 1.000.000 đồng, sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy đối với: Toàn bộ bao gói mở niêm phong và số ma túy còn lại sau giám **định** của phong bì ký hiệu M và M2, **được đựng trong 01 phong bì**

niêm phong do Phòng K2 Công an tỉnh T phát hành và 01 phong bì niêm phong do Công an huyện T phát hành.

- Tịch thu, tiêu hủy đối với: 01 sim V1 có dãy số trên thân sim: 8984048000911475625.

- Trả lại cho anh Trịnh Ngọc A 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max màu đen.

- Trả lại cho chị Lữ Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng-đen.

Vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân, hiện trạng theo như Biên bản giao nhận vật chứng số 26 ngày 05/12/2023.

4. Về án phí: Bị cáo Lê Văn K phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Tiến